

Bản án số: 71/2024/DS-ST.

Ngày: 04 - 10 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Hà Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2024**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D1, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA) (theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Địa chỉ: Số 278 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền: Ông Trần Đức T1, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S. (Theo Giấy uỷ quyền số 2693/2023/UQ-TGD ngày 22/08/2023) (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kiều D, sinh ngày 29/12/1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 30/301 khu phố P, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 22 đường H, khu phố D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2023; trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T1 trình bày:*

Ngày 07/03/2019, bà Phạm Thị Kiều D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 52.000.000 đồng; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại; Mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 460.727.698 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 433.080.710 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán Thẻ (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên từ ngày 23/10/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 04/10/2024 bà D còn nợ tiền gốc và lãi là 145.641.384 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*) (trong đó: Nợ gốc là 60.648.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.992.754 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Phạm Thị Kiều D thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2024 là 145.641.384 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*) (trong đó: Nợ gốc là 60.648.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.992.754 đồng). Bà Phạm Thị Kiều D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 05/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Kiều D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không*

có lý do, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng bị đơn bà Phạm Thị Kiều Diễm vắng mặt nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Phạm Thị Kiều D về khoản nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/03/2019 đối với số tiền còn nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/10/2024 là 145.641.384 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng) và lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 05/10/2024 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Thị Kiều D không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S tại Tòa án. Mặc dù, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà D cố tình tránh mặt và Người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Đức T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông T1 và bị đơn bà D.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Kiều D thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay sử dụng thẻ tín dụng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 04/10/2024 là 145.641.384 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 05/10/2024 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và quá trình giải quyết vụ án bà D có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Do đó, theo quy định tại

khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Bà D có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và phía Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức 52.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Sau khi được cấp Thẻ bà D đã giao dịch và thanh toán nhiều lần. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay ngày **04/10/2024 bà Diễm còn nợ số tiền gốc và lãi là 145.641.384 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 05/10/2024** theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S với bị đơn bà Diễm đối với Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 07/03/2024 được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, bà D đã sử dụng tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn bà D **không thanh** toán theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa án. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà D vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bị đơn bà D là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Kiều D thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2024 145.641.384 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.648.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.992.754 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 05/10/2024 theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Kiều D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 145.641.384 đồng $\times 5\% = 7.282.069$ đồng (*Bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn không trăm sáu mươi chín đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều: 463, Điều 465, Điều 466. Điều 468, Điều; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Phạm Thị Kiều D.

Buộc bà Phạm Thị Kiều D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/10/2024 là 145.641.384 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 60.648.630 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.992.754 đồng).

Kể từ ngày 05/10/2024 bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **7.282.069 đồng** (*Bảy triệu hai trăm tám mươi hai nghìn không trăm sáu mươi chín đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.822.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004542 ngày 22/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh